

shí wù piān
食 物 篇

108.	shuǐ 水	guǒ 果		114.	guǒ 果	zhī 汁
109.	sān 三	míng 明	zhì 治	115.	bǐng 餅	gān 乾
110.	hàn 漢	bǎo 堡	bāo 包	116.	táng 糖	guǒ 果
111.	bái 白	kāi 開	shuǐ 水	117.	niú 牛	nǎi 奶
112.	dàn 蛋	gāo 糕				
113.	miàn 麵	bāo 包				

日期	/	/	/	/	/
語言	粵語/普通話(請圈出)				
流暢	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊
準確	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊	😊😊
家長簽署					